

Số: 2023 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế năm 2022
của UBND thành phố Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi tại Tờ trình số 235/TTr-UBND ngày 02/11/2021, Tờ trình số 237/TTr-UBND ngày 05/11/2021 và đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2835/SNV-TCBC ngày 10/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tinh giản biên chế năm 2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi.

Điều 2. Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả và tập hợp hồ sơ, lập danh sách dự toán kinh phí chi trả cho đối tượng được tinh giản biên chế theo đúng quy định, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kinh phí chi trả cho các đối tượng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- VPUB: CBTH;
- Lưu: VT, NCvi1002.



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh



ĐỀ ÁN

**Thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2022
của UBND thành phố Quảng Ngãi**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 17/12/2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Phần I

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, MỤC ĐÍCH YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC TINH GIẢN BIÊN CHẾ

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Thành phố Quảng Ngãi là đô thị loại II, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi, tổng diện tích tự nhiên 160 km², dân số hơn 260 nghìn người; có 23 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 09 phường, 14 xã và 09 Phòng, ban chuyên môn, 73 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố.

Tổ chức bộ máy của UBND thành phố Quảng Ngãi gồm:

1. Lãnh đạo UBND thành phố Quảng Ngãi

Chủ tịch và các Phó chủ tịch UBND thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND thành phố:

Gồm 09 phòng, ban chuyên môn và 73 đơn vị sự nghiệp công lập

3. Đơn vị xã, phường:

- UBND phường: 09

- UBND xã: 14

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

1. Mục đích và yêu cầu

a) Nhằm xây dựng đội ngũ công chức, người làm việc đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và cơ cấu hợp lý, có đủ phẩm chất chính trị, tư tưởng,

đạo đức, trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; góp phần xây dựng một nền hành chính thống nhất, trong sạch, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, phấn đấu đạt mục tiêu chung là xây dựng nên công vụ “Chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả”.

b) Thực hiện chính sách tinh giản biên chế trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đánh giá, phân loại công chức, viên chức gắn với việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu số lượng người làm việc theo chức danh nghề nghiệp trong cơ quan, đơn vị.

2. Nguyên tắc tinh giản biên chế

a) Đảm bảo tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật.

b) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan mình quản lý theo thẩm quyền.

c) Phải đảm bảo chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

Phần II

CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định những người là công chức;

- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.

- Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch tỉnh giảm biên chế khối Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018-2021;

- Công văn số 4126/BNV-TCBC ngày 24/8/2021 của Bộ Nội vụ về việc xác định độ tuổi hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ.

Phần III

TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ

I. THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ, TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

1. Về thực trạng biên chế:

a) Biên chế hành chính:

Biên chế các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND thành phố được tỉnh giao năm 2021 là 84 biên chế công chức hành chính. Tính đến ngày 30/10/2021, số biên chế công chức hành chính đã thực hiện của UBND thành phố là 75 biên chế. Trong đó:

- Thường trực HĐND:	03 biên chế
- Lãnh đạo UBND:	04 biên chế
- Phòng Tài chính - Kế hoạch:	09 biên chế
- Phòng Giáo dục và Đào tạo :	07 biên chế
- Phòng Văn hóa và Thông tin:	03 biên chế
- Phòng Y tế:	01 biên chế
- Phòng Tài nguyên và Môi trường:	15 biên chế

- Phòng Tư pháp:	04 biên chế
- Phòng Kinh tế:	08 biên chế
- Phòng Lao động TB và xã hội:	09 biên chế
- Phòng Quản lý đô thị:	12 biên chế

b) *Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp (biên chế sự nghiệp):*

Tổng biên chế sự nghiệp được giao 2.519 biên chế, đến nay đã thực hiện 2.361, cụ thể:

* <i>Sự nghiệp Giáo dục:</i>	2.318 biên chế, trong đó:
- Sự nghiệp giáo dục mầm non:	498 biên chế;
- Sự nghiệp giáo dục tiểu học:	842 biên chế;
- Sự nghiệp giáo dục trung học cơ sở:	760 biên chế;
- Liên cấp:	218 biên chế.

* *Sự nghiệp văn hóa gồm :* 17 biên chế, trong đó:

Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao: 17 biên chế;

* *Sự nghiệp khác:* 26 biên chế, trong đó:

- Đội Quản lý trật tự đô thị:	15 biên chế;
- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp:	11 biên chế.

c) *Biên chế cán bộ, công chức xã, phường:*

Biên chế hiện có: 465, trong đó:

- Cán bộ: 224 biên chế.
- Công chức: 241 biên chế.

2. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

a) *Khối hành chính: 75 người, trong đó:*

- Sau Đại học: 35 người, chiếm tỷ lệ 46,7%;
- Đại học: 40 người, chiếm tỷ lệ 53,3%.

b) *Khối sự nghiệp*: 2.361 người, trong đó:

- Sau Đại học: 18 người, chiếm tỷ lệ 0,76%;
- Đại học: 1.653 người, chiếm tỷ lệ 70%;
- Cao đẳng: 591 người, chiếm tỷ lệ 25%;
- Trung cấp: 99 người, chiếm tỷ lệ 4,24%.

c) *Khối xã, phường*: 465 người, trong đó:

- Sau Đại học: 11 người, chiếm tỷ lệ 2,4%
- Đại học: 397 người, chiếm tỷ lệ 85,4%;
- Cao đẳng: 08 người, chiếm tỷ lệ 1,7%;
- Trung cấp: 46 người, chiếm tỷ lệ 9,9%;
- Không bằng cấp: 03 người, chiếm tỷ lệ 0,6%.

II. XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

1. Những người thuộc diện dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn nghiệp vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, không còn phù hợp với vị trí việc làm mới.

2. Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác.

3. Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác, cá nhân tự nguyện thực hiện tình giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

4. Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên không hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tình giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

5. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tình giản biên chế, cán bộ, công chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm

khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

6. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

III. KẾ HOẠCH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

Căn cứ vào thực trạng và rà soát về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế công chức, số lượng người làm việc, cơ cấu, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của UBND thành phố Quảng Ngãi, xác định kế hoạch thực hiện việc tinh giản biên chế như sau:

Trong năm 2022, có 14 viên chức (số lượng người làm việc) thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 113/NĐ/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ),

(Có Danh sách kèm theo).

IV. Quản lý và sử dụng biên chế đã thực hiện tinh giản

Ủy ban nhân dân thành phố được sử dụng tối đa 50% số biên chế đã thực hiện tinh giản theo Đề án này để tuyển dụng, tiếp nhận mới công chức, số lượng người làm việc theo quy định.

Phần IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả; tiến hành lập hồ sơ, danh sách và dự toán số tiền trợ cấp cụ thể cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định, gửi Sở Nội vụ thẩm định đối tượng và Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình UBND tỉnh phê duyệt, chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

2. Định kỳ vào ngày 15/12 hàng năm, UBND thành phố Quảng Ngãi có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế của địa phương, báo cáo UBND tỉnh *(qua Sở Nội vụ)*.



DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2022 CỦA UBND THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

(*Kem theo Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh*)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế	Thời điểm tính giản biên chế	Lý do tính giản biên chế	
I	KHỎI SỰ NGHIỆP	1	2	3	4	5	6	7	8
*	Thời việc ngay								
	<i>Trường Mầm non Tỉnh An</i>								
1	Nguyễn Thị Trang Thảo	02/01/1975	Đại học Giáo dục MN	Giáo viên	18 năm	46 tuổi 11 tháng	01/01/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cả nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
*	Nghỉ hưu trước tuổi								
	<i>Trường Tiểu học Nghĩa Dũng</i>								
2	Trần Quang Hy	01/01/1964	TCSP Tiểu học	Giáo viên	36 năm 5 tháng	57 tuổi 11 tháng	01/01/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (<i>Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14</i>) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cả nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
	<i>Trường Tiểu học Nghĩa Lộ</i>								
3	Lê Thị Tinh	10/6/1968	DHSP Tiểu học	Giáo viên	32 năm 4 tháng	53 tuổi 7 tháng	01/02/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cả nhân tự nguyện thực hiện tính giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	

1	2	3	4	5	6	7	8
<i>Trưởng Tiểu học Nghĩa Hà</i>							
4	Nguyễn Hữu Bút 18/7/1964	CDSP Tiểu học	Phó Hiệu trưởng	38 năm 4 tháng	57 tuổi 10 tháng	01/6/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (<i>Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14</i>) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
<i>Trưởng Tiểu học Tịnh Hòa</i>							
5	Phạm Văn Cư 10/02/1966	ĐHSP Tiểu học	Giáo viên	35 năm 6 tháng	56 tuổi	01/3/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
6	Phạm Thanh Liêm 20/02/1966	ĐHSP Tiểu học	Giáo viên	36 năm 6 tháng	56 tuổi	01/3/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
7	Tôn Thị Thoại 03/10/1968	CDSP Tiểu học	Giáo viên	33 năm 6 tháng	53 tuổi 4 tháng	01/3/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
<i>Trưởng Tiểu học số 1 Trương Quang Trọng</i>							
8	Tôn Trang Nguyễn 30/12/1968	CDSP Tiểu học	Giáo viên	33 năm 5 tháng	53 tuổi 01 tháng	01/02/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (<i>Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14</i>) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
<i>Trưởng THCS Nguyễn Nghiêm</i>							
9	Võ Minh Đệ 28/02/1966	CDSP Lý- KTCN	Giáo viên	35 tuổi 4 tháng	55 tuổi 10 tháng	01/01/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (<i>Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14</i>) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

	1	2	3	4	5	6	7	8
	Trường THCS Quảng Phú							
	Trường THCS Trần Phú							
10	Mai Văn Tự	06/9/1966	CĐSP Hóa - Nông	Giáo viên	35 năm 8 tháng	55 tuổi 6 tháng	01/4/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm (Điều 72 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14) nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ và cả nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
11	Tạ Thị Thu Liễu	10/12/1969	DHSP Hóa	Giáo viên	29 năm 6 tháng	52 tuổi 5 tháng	01/6/2022	Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
12	Lương Phương	03/3/1965	CĐSP Hóa - Nông	Giáo viên	33 năm 4 tháng	56 tuổi 9 tháng	01/01/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
13	Nguyễn Thanh Tâm	20/10/1963	DHSP Lý	Giáo viên	37 năm 5 tháng	58 tuổi 3 tháng	01/02/2022	Năm học 2020-2021 xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý
II KHỐI XÃ								
* Nghỉ hưu trước tuổi								
	UBND xã Tịnh Hòa							
14	Nguyễn Tấn Long	18/10/1964	Trung cấp Kế toán	Công chức TC-KT xã	40 năm 02 tháng	57 tuổi 8 tháng	01/6/2022	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý

(Danh sách này có 14 người) ✓